TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HSST
Ngày: 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 23/4/2024 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 48/TB-TA ngày 10/5/2024 đối với bị cáo:

Trần Liên Vĩnh P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 16/8/1987, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ F thôn Q, xã H, huyện H, TP .; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 11/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Liên C (SN 1957, chết) và bà Lê Thị C1 (SN 1959). Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân:

+ Bản án số 224/2016/HSPT ngày 26/10/2016, TAND TP Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", chấp hành xong án phí hình sự ngày 23/11/2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/3/2019 (đã được xoá án tích).

+ Ngày 14/01/2024, Công an quận T, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, phạt số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Trần Lê Kiều M, sinh năm: 1983, trú tại: Tổ F thôn Q, xã H, huyện H, TP .. Vắng mặt.

+ Công ty TNHH K. Có anh Hoàng Thiện C2, sinh năm: 1990; trú tại: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng - Cửa hàng trưởng Cửa hàng xe máy điện Vinfast số 179 Đ (Giấy ủy quyền số 05/2023/GUQ-XMĐ-GĐCNDANANG-VFT ngày 08/6/2023). Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993; trú tại: Tổ C phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Tiến H, sinh năm: 1979; trú tại: Tổ A phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 04/01/2024, Trần Liên Vĩnh P liên hệ qua zalo với một nam thanh niên tên T1 (*không rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua "nửa hộp năm" ma túy đá với giá 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồn*g), thì T1 đồng ý và thống nhất giao dịch tại khu vực Bến xe Đ. Sau đó, P điều khiển xe máy điện biển kiểm soát 43D2-024.26 đến điểm hẹn, gặp và đưa tiền cho T1 thì được T1 chỉ vị trí gói thuốc lá CRAVEN bên trong có 01 gói nilong chứa 1,804 gam ma túy loại Methamphetamine được để dưới lòng đường cho P. P lấy và cất gói thuốc có chứa gói ma túy vào túi đeo trước ngực rồi điều khiển xe đi về, khi đi qua trước nhà số A H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận T bắt quả tang vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Tiến hành kiểm tra thu giữ trong túi đeo của P đang mang trước ngực có một gói thuốc lá hiệu CRAVEN, bên trong có 01 gói nilong kích thước (5x5) cm chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu G), theo P khai nhận đó là gói ma túy đá của P cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của P tại tổ F, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0559.935.939 của P không phát hiện nội dung gì liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma tuý của P và không có nội dung liên quan đến người thanh niên tên T1.

Qua thử nước tiểu kết quả Phúc dương tính với chất ma túy. P khai nhận sử dụng ma tuý một mình tại nhà vào ngày 25/12/2023.

Tại Bản kết luận giám định số 57/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: *Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu G: 1,804 gam.*

***** Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP . đã truy tố bị cáo Trần Liên Vĩnh P phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Liên Vĩnh P từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: Xử phạt bổ sung đối với bị cáo P số tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy: toàn bộ chất ma túy còn lại sau được giám định trong 01 gói nilong kích thước (05x05)cm bên trong có chất tinh thể màu trắng được niêm phong theo quy định (ký hiệu G) có đóng dấu giáp lai của Phòng K1 Công an T; 01 túi vải màu xanh đen, 01 vỏ thuốc lá nhãn hiệu CRAVEN, 01 cân tiểu ly.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng có imei 359224074921241 gắn sim số 0559935939.

+ Trả lại cho bị cáo P số tiền: 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng) nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho chị M 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu đen, biển kiểm soát 43D2-02426, số khung 049011, số máy 220926DO282 có Giấy đăng ký xe ngày 28/12/2022.

+ Trả lại cho Công ty TNHH K 01 pin xe máy điện theo hợp đồng số 6016-V50-22-12-0009 ngày 21/12/2022 giữa Trần Liên Vĩnh P và Công ty TNHH K.

- Bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo P thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Trần Liên Vĩnh P nói lời sau cùng: Đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm ăn lương thiện, về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Liên Vĩnh P tại phiên tòa đúng như bản Cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 04/01/2024, tại trước số nhà S H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, Trần Liên Vĩnh P có hành vi cất giấu 1,804 gam ma tuý loại Methamphetamine nhằm mục đích chia ra để bán cho người khác thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận T phát hiện bắt quả tang. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Liên Vĩnh P đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ ma tuý gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tệ nạn xã hội và là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, nhưng bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật thực hiện hành vi mua bán nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo P thì thấy: Bản thân là người nghiện ma túy nên bị cáo P đã mua ma túy về chia nhỏ bán lại cho đối tượng nghiện để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy sử dụng; bị cáo có nhân thân xấu ngày 26/10/2016 bị TAND TP Đà Nẵng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Bản án số 224/2016/HSPT. Đồng thời, ngày 14/01/2024 bị Công an quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, HĐXX sẽ cân nhắc khi lượng hình, tuy nhiên mức đề xuất hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là thấp nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật theo quy định tại Điều

35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Liên Vĩnh P 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì:

- Đối với mẫu vật được hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói kèm theo được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu "G" theo Kết luận giám định số 57/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: *Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu G: 1,804 gam*, có đóng dấu đỏ giáp lai của Phòng K1 Công an T là chất cấm; 01 cân tiểu ly, 01 túi vải màu xanh đen, 01 vỏ thuốc lá nhãn hiệu CRAVEN là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động iphone màu trắng có imei 359224074921241 gắn sim số 0559935939: Là phương tiện liên lạc để mua bán ma tuý nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền: 40.000 đồng của P không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast loại Felix S màu đen, biển kiểm soát 43D2-024.26 có gắn pin, số khung 049011, số máy 220926DO282:

Xe trên do Trần Liên Vĩnh P đứng tên trên Giấy đăng ký xe ngày 28/12/2022: Qua điều tra xác định, do có nhu cầu mua xe đi lại và làm việc nên vào ngày 20/12/2022, chị Trần Lê Kiều M mua xe trên tại Cửa hàng xe máy điện V Đ, Tp . dưới hình thức trả góp hàng tháng qua tài khoản thẻ tín dụng, đến tháng 12/2023 chị M đã trả xong. Do tại thời điểm mua xe chị M có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ em ruột là Trần Liên Vĩnh P đứng tên trên giấy đăng ký xe giúp. P đứng tên mua xe và thuê pin xe máy điện theo hợp đồng số 6016-V50-22-12-0009 ngày 21/12/2022 với giá 350.000 đồng/1tháng được ký kết giữa Trần Liên Vĩnh P và Công ty TNHH K. Ngày 04/01/2024, chị M cho P mượn xe Vinfast trên để đi đón con, không biết việc P lấy xe để đi mua ma tuý. Anh Hoàng Thiện C2 là Cửa hàng trưởng Cửa hàng xe máy điện Vinfast số 179 Đ xác nhận có bán xe và cho thuê pin đối với xe máy điện trên cho Trần Liên Vĩnh P và khách hàng được miễn phí tiền thuê pin 1 năm đầu tiên khi mua xe và đại diện Công ty K đề nghị nhận lại pin đối với xe máy điện trên, pin này tháo rời được. Vì vậy, Hội đồng xét xử trả lại cho chị M 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu đen, biển kiểm soát 43D2-02426; trả lại cho Công ty K 01 pin xe máy điện nêu trên là có căn cứ.

[5] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo P: Ngày 14/01/2024, Công an quận T, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, phạt số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ.

Đối với người thanh niên bán ma tuý cho P tên T1, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Liên Vĩnh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Liên Vĩnh P phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Liên Vĩnh P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Trần Liên Vĩnh P 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật được hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói kèm theo được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu "G" theo Kết luận giám định số 57/KL-KTHS ngày 10/01/2024, có đóng dấu đỏ giáp lai của Phòng K1 Công an T; 01 cân tiểu ly, 01 túi vải màu xanh đen, 01 vỏ thuốc lá nhãn hiệu CRAVEN.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động iphone màu trắng có imei 359224074921241 gắn sim số 0559935939.

- Trả lại cho bị cáo P số tiền: 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng) nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho chị Trần Lê Kiều M 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast loại Felix S màu đen, biển kiểm soát 43D2-024.26, số khung 049011, số máy 220926DO282.

- Trả lại cho Công ty TNHH K 01 pin xe máy điện theo hợp đồng số 6016-V50-22-12-0009 ngày 21/12/2022 giữa Trần Liên Vĩnh P và Công ty TNHH K.

(Toàn bộ vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0000932 ngày 12/4/2024 hiện Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Liên Vĩnh P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 23/5/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thanh Khê;
- TAND Tp Đà Nẵng;
- VKSND Tp Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp